

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

Ngày 30/09/2025 / As at 30 Sep 2025

|   |                                                                    |                                                                                                                                      |
|---|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | <b>Tên Công ty quản lý quỹ:</b><br><i>Fund Management Company:</i> | <b>CTCP Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam</b><br><i>Dragon Capital Vietfund Management Joint Stock Company</i>              |
| 2 | <b>Tên Ngân hàng giám sát:</b><br><i>Supervising bank:</i>         | <b>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN TP.HCM</b><br><i>Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam-HCMC Branch</i> |
| 3 | <b>Tên Quỹ ETF:</b><br><i>Fund name:</i>                           | <b>QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND</b><br><i>DCVFMVN DIAMOND ETF</i>                                                                         |
| 4 | <b>Mã chứng khoán</b><br><i>Code:</i>                              | <b>FUEVFNVD</b><br><i>FUEVFNVD</i>                                                                                                   |
| 5 | <b>Ngày lập báo cáo:</b><br><i>Reporting date:</i>                 | <b>01/10/2025</b><br><i>01 Oct 2025</i>                                                                                              |

Đơn vị tính/ Currency: VND

| STT<br>No | CHỈ TIÊU<br>Criteria                                     | Mã số<br>Code | KỲ NÀY<br>THIS PERIOD<br>30/09/2025 | KỲ TRƯỚC<br>LAST PERIOD<br>29/09/2025 |
|-----------|----------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------|---------------------------------------|
| 1         | Giá trị tài sản ròng / Net asset value                   |               |                                     |                                       |
| 1.1       | Của quỹ ETF/Per Fund                                     |               | 13,255,398,335,707                  | 13,334,774,198,057                    |
| 1.2       | Của một lô chứng chỉ quỹ ETF/Per lot of Fund Certificate |               | 3,843,258,433                       | 3,865,151,941                         |
| 1.3       | Của một chứng chỉ quỹ/Per Fund Certificate               |               | 38,432.58                           | 38,651.51                             |

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát

*Authorised Representative of Supervisory Bank*

  
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN TP.HCM  
Nguyễn Xuân Lượng  
Phó Trưởng Phòng DVKHTC2

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ

*Authorised Representative of Fund Management Company*

  
CTCP Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam  
Lê Hoàng Anh  
Quyền Giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư